



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội  
Tel: 024 37684495|Fax: 024 37684490|Website: www.scigroup.vn

Số: **06** /2020/CBTT-SCI-TCKT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

(V/v: Công bố thông tin BCTC riêng Công ty CP  
SCI Quý IV năm 2019)

**Kính gửi:**                    **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên đơn vị:                    **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI.**
2. Mã chứng khoán:        **S99**
3. Trụ sở chính :            Tầng 3 tháp C, tòa Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
4. Điện thoại:                (84.4) 3 768 4495      Fax:(84.4) 3 768 4490.
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Phan Dương Mạnh - Kế toán trưởng.**
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2019 của Công ty Cổ phần SCI được ký ngày 20/01/2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: **www.scigroupsci.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

**Trân trọng cảm ơn./.**

**Nơi nhận:**

- Như k/gửi.
- Lưu P.HCNS.

**Đính kèm: BCTC.**

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ  
THÔNG TIN**



**Phan Dương Mạnh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**





**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	01-36
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	01-02
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	03-04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	05-06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	07-36

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN	
			31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>361.498.803.910</b>	<b>239.064.561.194</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>10.807.337.628</b>	<b>8.953.336.873</b>
1. Tiền	111		10.807.337.628	8.953.336.873
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>154.134.086.057</b>	<b>35.557.642.100</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		163.522.413.353	47.864.249.391
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(9.388.327.296)	(12.306.607.291)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>153.970.797.628</b>	<b>190.610.504.011</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	147.254.524.906	150.007.537.791
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.765.958.697	4.832.346.342
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	31.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	23.086.608.721	28.358.826.993
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(25.136.294.696)	(23.588.207.115)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>41.385.307.550</b>	<b>3.575.490.350</b>
1. Hàng tồn kho	141		41.385.307.550	3.575.490.350
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.201.275.047</b>	<b>367.587.860</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	24.240.374	36.224.517
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		357.634.429	331.363.343
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	819.400.244	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>472.600.407.140</b>	<b>454.088.284.822</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>220.000.000</b>	<b>220.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	220.000.000	220.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.373.721.026</b>	<b>10.017.954.614</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.301.846.083	9.933.579.667
- Nguyên giá	222		33.961.725.791	38.842.034.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.659.879.708)	(28.908.455.124)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	71.874.943	84.374.947
- Nguyên giá	228		342.500.000	342.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(270.625.057)	(258.125.053)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.181.818.182</b>	<b>2.360.144.546</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.181.818.182	2.360.144.546
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>462.807.448.943</b>	<b>441.349.647.755</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		397.257.448.943	222.616.076.215
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.550.000.000	60.550.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	158.183.571.540
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.418.989</b>	<b>140.537.907</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	17.418.989	140.537.907
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>834.099.211.050</b>	<b>693.152.846.016</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>336.694.075.182</b>	<b>205.196.304.569</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>329.137.260.182</b>	<b>204.344.489.569</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	190.801.469.327	96.236.350.821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	46.768.321.118	492.625.013
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	46.303.666	3.612.950.196
4. Phải trả người lao động	314		522.561.126	595.399.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	633.865.072	7.171.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	88.771.075.033	99.409.928.371
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	795.000.000	3.188.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		798.664.840	802.064.840
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.556.815.000</b>	<b>851.815.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	7.556.815.000	56.815.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	-	795.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>497.405.135.868</b>	<b>487.956.541.447</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>497.405.135.868</b>	<b>487.956.541.447</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		428.292.770.000	407.907.140.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		982.166.000	982.166.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.192.087.059	8.192.087.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.938.112.809	70.875.148.388
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.489.518.388	53.429.270.306
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.448.594.421	17.445.878.082
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>834.099.211.050</b>	<b>693.152.846.016</b>



Nguyễn Nho Hiến  
Người lập

Phan Dương Mạnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2019

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV - Năm 2019		Quý IV - Năm 2018		Năm 2019		Năm 2018	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	42.808.631.091	50.941.012.829	296.912.383.501	171.824.406.866				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-				
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		42.808.631.091	50.941.012.829	296.912.383.501	171.824.406.866				
4. Giá vốn hàng bán	11	24	39.828.062.036	46.311.157.675	275.987.301.508	153.962.834.867				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.980.569.055	4.629.855.154	20.925.081.993	17.861.571.999				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.492.650.179	8.302.204.187	10.391.575.692	38.996.112.862				
7. Chi phí tài chính	22	26	7.983.096.028	9.351.365.529	11.177.577.384	21.076.099.689				
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		626.694.072	9.465.454.810	5.601.065.178	9.465.454.810				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	5.146.205.877	2.051.540.104	7.922.514.905	13.075.500.415				
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(5.656.082.671)	1.529.153.708	12.216.565.396	22.706.084.757				
11. Thu nhập khác	31	28	103.457.425	167.102.613	3.388.139.778	2.677.473.828				
12. Chi phí khác	32	29	154.927.480	137.406.540	3.395.885.862	3.050.527.859				
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(51.470.055)	29.696.073	(7.746.084)	(373.054.031)				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(5.707.552.726)	1.558.849.781	12.208.819.312	22.333.030.726				
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	(1.137.759.267)	237.316.455	2.472.224.891	4.392.152.644				



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

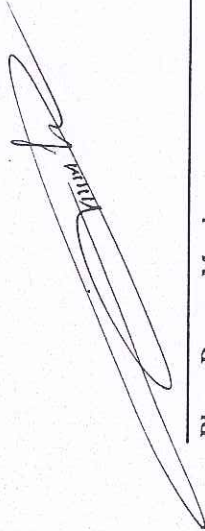
Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 60 1.321.533.326 9.736.594.421 17.940.878.082  
(60=50-51-52)



Nguyễn Nho Hiến  
Người lập



Phan Dương Mạnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.208.819.312	22.333.030.726
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.644.233.588	2.984.651.395
- Các khoản dự phòng	03		(1.370.192.414)	12.375.895.587
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.481.766.265)	(19.127.933.840)
- Chi phí lãi vay	06		5.601.065.178	9.465.454.810
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.602.159.399	28.031.098.678
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.835.277.534)	(64.998.128.416)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(37.809.817.200)	15.748.771
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		129.640.279.486	149.545.059.370
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		135.103.061	735.141.401
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(115.658.163.962)	41.230.073.670
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.974.371.106)	(9.616.754.810)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.632.313.941)	(13.511.850.858)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.400.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.535.801.797)	131.430.387.806
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.181.818.182)	(929.371.062)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		176.618.182	72.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.190.284.944)	(175.183.571.540)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		233.234.001.030	120.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(174.641.372.728)	(13.219.216.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	7.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.180.659.194	18.775.495.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		31.577.802.552	(43.483.935.873)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

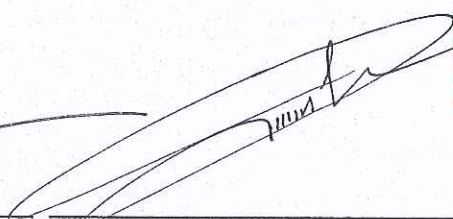

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.188.000.000)	(88.188.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(3.188.000.000)</i>	<i>(88.188.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		1.854.000.755	(241.548.067)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.953.336.873	9.194.884.940
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>10.807.337.628</u>	<u>8.953.336.873</u>


Nguyễn Nho Hiễn  
Người lập

Phan Dương Mạnh  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

## 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiên thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 09 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 428.292.770.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 428.292.770.000 đồng; tương đương 42.829.277 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- (1) Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- (2) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- (3) Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Lai Châu	Hoạt động xây lắp

## 2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### 3 . CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

#### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết*

#### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### *Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

- |                                   |         |     |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 40 | năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 03 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 10 | năm |

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

#### *Phần mềm máy tính*

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

#### *Bảng sáng chế và thương hiệu*

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### **Doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.265.036.192	1.917.854.171
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.542.301.436	7.035.482.702
	<u><u>10.807.337.628</u></u>	<u><u>8.953.336.873</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	158.183.571.540	158.183.571.540
Trái phiếu (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	158.183.571.540	158.183.571.540
	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>158.183.571.540</b>	<b>158.183.571.540</b>

(\*) Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&MORE, số lượng 5 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 1.000.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 3 năm, lãi suất trái phiếu là 10,3%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	163.522.413.353	154.134.086.057	47.864.249.391	35.557.642.100
GEX	158.448.347.977	152.353.773.000	38.346.878.822	30.013.250.000
SDA	2.963.994.800	1.143.997.800	7.410.000.000	4.419.996.600
VTX	1.475.610.000	609.918.800	1.475.610.000	1.072.276.600
Cổ phiếu khác	634.460.576	26.396.457	631.760.569	52.118.900
	<b>163.522.413.353</b>	<b>154.134.086.057</b>	<b>47.864.249.391</b>	<b>35.557.642.100</b>
				<b>(12.306.607.291)</b>
				<b>(8.333.628.822)</b>
				<b>(2.990.003.400)</b>
				<b>(403.333.400)</b>
				<b>(579.641.669)</b>
				<b>(12.306.607.291)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	397.257.448.943	397.257.448.943	-	222.616.076.215	222.616.076.215	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	71.366.250.000	71.366.250.000	-	71.366.250.000	71.366.250.000	-
Công ty TNHH SCI Nghệ An	118.749.826.215	118.749.826.215	-	118.749.826.215	118.749.826.215	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	6.500.000.000	6.500.000.000	-	6.500.000.000	6.500.000.000	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	196.050.000.000	196.050.000.000	-	26.000.000.000	26.000.000.000	-
Công ty Cổ phần SCI Điện Biên	4.591.372.728	4.591.372.728	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	60.550.000.000	60.550.000.000	-	60.550.000.000	60.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển Đô thị Fecon	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Quý đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
	<b>457.807.448.943</b>	<b>457.807.448.943</b>	-	<b>283.166.076.215</b>	<b>283.166.076.215</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	60,50%	60,50%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Nghệ An	51,00%	51,00%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65,00%	65,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,96%	99,96%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần SCI Điện Biên	Điện Biên	99,94%	99,94%	Xây dựng thủy điện

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư khác của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển Đô thị Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển dự án, thi công thủy điện
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Đầu tư tài chính

(\*) Theo biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư, khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam giữa các bên là Công ty Cổ phần SCI, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam như sau:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Tổng vốn góp: 100 tỷ đồng;
- Vốn góp cam kết của SCI: 30 tỷ
- Lĩnh vực đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, các cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp đầu tư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty cổ phần SCI E&C	508.370.879	17.387.318.817
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	111.372.406.054	96.936.151.346
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	16.845.809.348	16.845.809.348
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	2.638.190.145	2.102.182.310
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.369.896.475	1.369.896.475
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	4.930.414.743	4.639.786.809
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.589.437.262	10.726.392.686
	<b>147.254.524.906</b>	<b>150.007.537.791</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>4.092.743.470</b>	<b>20.131.097.736</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)</i>		

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	6.882.711.111	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	6.451.250	-	6.451.250	-
Tạm ứng	4.254.233.706	-	4.105.110.240	-
Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	16.000.000	-
Thuế nhà thầu Công trình NamThaun Lào	-	-	1.651.087.692	-
Phải thu khác	18.809.923.765	(4.556.156.954)	15.697.466.700	(4.556.156.954)
	<b>23.086.608.721</b>	<b>(4.556.156.954)</b>	<b>28.358.826.993</b>	<b>(4.556.156.954)</b>
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	220.000.000	-
	<b>220.000.000</b>	<b>-</b>	<b>220.000.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La</i>	16.845.809.348	4.202.916.285	16.845.809.348	4.202.916.285
<i>Đối tượng khác</i>	12.682.131.065	188.729.432	15.385.866.329	4.440.552.277
	<b>29.527.940.413</b>	<b>4.391.645.717</b>	<b>32.231.675.677</b>	<b>8.643.468.562</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	444.394.650	-	444.394.650	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.940.912.900	-	3.131.095.700	-
	<b>41.385.307.550</b>	<b>-</b>	<b>3.575.490.350</b>	<b>-</b>

**11 . Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án Thủy điện Mường Luân, Điện Biên	2.181.818.182	2.360.144.546
Dự án điện gió Quảng Trị	-	2.360.144.546
	2.181.818.182	-
	<b>2.181.818.182</b>	<b>2.360.144.546</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2019	19.963.241.095	18.781.616.423	97.177.273	38.842.034.791
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.880.309.000)	-	(4.880.309.000)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>19.963.241.095</b>	<b>13.901.307.423</b>	<b>97.177.273</b>	<b>33.961.725.791</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2019	14.283.134.890	14.528.142.961	97.177.273	28.908.455.124
Trích khấu hao	1.532.136.384	1.099.597.200	-	2.631.733.584
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.880.309.000)	-	(4.880.309.000)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>15.815.271.274</b>	<b>10.747.431.161</b>	<b>97.177.273</b>	<b>26.659.879.708</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2019	5.680.106.205	4.253.473.462	-	9.933.579.667
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>4.147.969.821</b>	<b>3.153.876.262</b>	<b>-</b>	<b>7.301.846.083</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.637.280.700 đồng.

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Nhãn hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2019	250.000.000	92.500.000	342.500.000
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>250.000.000</b>	<b>92.500.000</b>	<b>342.500.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2019	165.625.053	92.500.000	258.125.053
Trích khấu hao	12.500.004	-	12.500.004
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>178.125.057</b>	<b>92.500.000</b>	<b>270.625.057</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2019	84.374.947	-	84.374.947
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>71.874.943</b>	<b>-</b>	<b>71.874.943</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	24.240.374	36.224.517
	<b>24.240.374</b>	<b>36.224.517</b>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	-	36.837.169
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.418.989	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	103.700.738
	<b>17.418.989</b>	<b>140.537.907</b>

**15 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần SCI E&C	183.864.524.703	183.864.524.703	78.771.973.362	78.771.973.362
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	1.937.085.940	1.937.085.940	2.012.608.872	2.012.608.872
Công ty Cổ phần Tư Vấn SCI	1.077.351.000	1.077.351.000	-	-
Các khoản phải trả khác	3.922.507.684	3.922.507.684	15.451.768.587	15.451.768.587
	<b>190.801.469.327</b>	<b>190.801.469.327</b>	<b>96.236.350.821</b>	<b>96.236.350.821</b>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nam Sam 3 Power Company Limited	46.275.696.105	-
Các đối tượng khác	492.625.013	492.625.013
	<b>46.768.321.118</b>	<b>492.625.013</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	230.562.666	61.464.660	245.723.660	-	46.303.666	-	-	-	46.303.666
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.365.802.945	2.472.224.891	6.632.313.941	794.286.105	-	794.286.105	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	16.584.585	158.425.803	200.124.527	25.114.139	-	25.114.139	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-
	-	<b>3.612.950.196</b>	<b>2.695.115.354</b>	<b>7.081.162.128</b>	<b>819.400.244</b>	<b>46.303.666</b>	<b>819.400.244</b>	<b>46.303.666</b>	<b>46.303.666</b>	<b>46.303.666</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	633.865.072	7.171.000
	<b>633.865.072</b>	<b>7.171.000</b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Kinh phí công đoàn	193.550.440	216.076.140
Bảo hiểm xã hội	14.079.155	8.373.745
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	3.492.319.120
Công ty Cổ phần chứng khoán Bản Việt	50.683.721.861	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt	35.033.764.882	
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	227.486.808	202.474.788
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	92.610.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.618.471.887	2.880.684.578
	<b>88.771.075.033</b>	<b>99.409.928.371</b>
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>		
Phải trả theo thỏa thuận hợp tác đầu tư	7.500.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<b>7.556.815.000</b>	<b>56.815.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.188.000.000	3.188.000.000	795.000.000	3.188.000.000	795.000.000	795.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	3.188.000.000	3.188.000.000	795.000.000	3.188.000.000	795.000.000	795.000.000
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	795.000.000	795.000.000	-	795.000.000	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	795.000.000	795.000.000	-	795.000.000	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	795.000.000	795.000.000	(795.000.000)	795.000.000	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ tại ngày 31/12/2019	Phương thức đảm bảo tiền vay
1	. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Anh - Hợp đồng tín dụng số 16008/TH/HBTD.DAH ngày 19/02/2016	12.750.000.000	Bù đắp tiền mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đã đầu tư.	Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Áp dụng lãi suất cố định 9%/năm và lãi suất thả nổi tùy theo thời điểm nhận nợ	795.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2018</b>										
Tại ngày 01/01/2018	388.491.390.000		982.166.000		8.192.087.059		73.058.020.306		470.723.663.365	
Tăng vốn trong năm trước	19.415.750.000		-		-		(19.415.750.000)		-	
Lãi/lỗ trong năm trước	-		-		-		17.940.878.082		17.940.878.082	
Tạm ứng tiền thù lao BKS	-		-		-		(708.000.000)		(708.000.000)	
Tại ngày 31/12/2018	407.907.140.000		982.166.000		8.192.087.059		70.875.148.388		487.956.541.447	
<b>Năm 2019</b>										
Tại ngày 01/01/2019	407.907.140.000		982.166.000		8.192.087.059		70.875.148.388		487.956.541.447	
Tăng vốn trong năm nay	20.385.630.000		-		-		(20.385.630.000)		-	
Lãi/lỗ trong năm nay	-		-		-		9.736.594.421		9.736.594.421	
Tạm ứng tiền thù lao BKS và HĐQT	-		-		-		(288.000.000)		(288.000.000)	
Tại ngày 31/12/2019	428.292.770.000		982.166.000		8.192.087.059		59.938.112.809		497.405.135.868	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 14/2019/NQ-SCI-DHĐCD ngày 27/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau: Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%, Trả thù lao HĐQT không chuyên trách là 288.000.000 đồng.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2019		01/01/2019		Tỷ lệ (%)
	VND	VND	VND	VND	
Vốn góp của các cổ đông	428.292.770.000	428.292.770.000	407.907.140.000	407.907.140.000	100,00%
	428.292.770.000	428.292.770.000	407.907.140.000	407.907.140.000	100%



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	428.292.770.000	407.907.140.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	407.907.140.000	388.491.390.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	20.385.630.000	19.415.750.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	428.292.770.000	407.907.140.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(20.385.630.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(20.385.630.000)	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.829.277	40.790.714
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	42.829.277	40.790.714
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	42.829.277	40.790.714
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.829.277	40.790.714
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	42.829.277	40.790.714
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	8.192.087.059
	<b>8.192.087.059</b>	<b>8.192.087.059</b>

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019	01/01/2019
Đồng đô la Mỹ (USD)	100,62	100,46

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.363.280.512	7.351.034.805
Doanh thu hợp đồng xây dựng	292.549.102.989	164.473.372.061
	<b>296.912.383.501</b>	<b>171.824.406.866</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<b>6.635.425.976</b>	<b>9.092.507.257</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.257.652.349	2.509.855.481
Giá vốn hoạt động xây dựng	273.729.649.159	151.452.979.386
	<b>275.987.301.508</b>	<b>153.962.834.867</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.258.598.483	18.237.157.767
Lãi bán các khoản đầu tư	2.823.794.951	19.072.920.630
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.349.600	818.048.800
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	269.832.658	867.985.665
	<b>10.391.575.692</b>	<b>38.996.112.862</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.601.065.178	9.465.454.810
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	6.377.380.858	3.501.068.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	211.257.726	2.273.816
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu	(2.918.279.995)	6.947.868.422
Chi phí tài chính khác	1.906.153.617	1.159.434.041
	<b>11.177.577.384</b>	<b>21.076.099.689</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	467.067.506	1.320.362.334
Chi phí nhân công	3.327.751.336	3.328.065.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	214.456.443	318.419.889
Thuế, phí, lệ phí	49.178.125	142.399.554
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	1.548.087.581	5.428.027.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.034.116.686	1.085.657.344
Chi phí khác bằng tiền	1.281.857.228	1.452.568.904
	<b>7.922.514.905</b>	<b>13.075.500.415</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	183.818.182	72.727.273
Cho thuê văn phòng và tiền điện	3.204.321.596	2.604.746.555
	<b>3.388.139.778</b>	<b>2.677.473.828</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí khấu hao không được tính là chi phí hợp lý, hợp lệ	172.124.796	-
Các khoản bị phạt	19.529.946	445.781.294
Cho thuê văn phòng và tiền điện	3.204.231.120	2.604.746.565
	<b>3.395.885.862</b>	<b>3.050.527.859</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.208.819.312	22.333.030.726
Các khoản điều chỉnh tăng	191.654.742	445.781.294
- Chi phí không hợp lệ	191.654.742	445.781.294
Các khoản điều chỉnh giảm	(39.349.600)	(818.048.800)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(39.349.600)	(818.048.800)
Thu nhập tính thuế TNDN	12.361.124.454	21.960.763.220
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.472.224.891</b>	<b>4.392.152.644</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.365.802.945	12.485.501.159
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(6.632.313.941)	(13.511.850.858)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở Việt Nam	(4.441.856.308)	(12.204.533.176)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở Lào	(2.190.457.633)	(1.307.317.682)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<b>(794.286.105)</b>	<b>3.365.802.945</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	467.067.506	1.320.362.334
Chi phí nhân công	3.327.751.336	3.328.065.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.644.233.588	2.984.651.395
Thuế, phí, lệ phí	49.178.125	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	1.548.087.581	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	277.021.418.194	155.190.891.765
Chi phí khác bằng tiền	1.281.857.228	1.452.568.904
	<b><u>286.339.593.558</u></b>	<b><u>164.276.539.623</u></b>

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.807.337.628	-	8.953.336.873	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	170.561.133.627	(25.136.294.696)	178.586.364.784	(23.588.207.115)
Các khoản cho vay	-	-	31.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	163.522.413.353	(9.388.327.296)	47.864.249.391	(12.306.607.291)
Đầu tư dài hạn	65.550.000.000	-	218.733.571.540	-
	<b><u>410.440.884.608</u></b>	<b><u>(34.524.621.992)</u></b>	<b><u>485.137.522.588</u></b>	<b><u>(35.894.814.406)</u></b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	795.000.000	3.983.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	287.129.359.360	195.703.094.192
Chi phí phải trả	633.865.072	7.171.000
	<b><u>288.558.224.432</u></b>	<b><u>199.693.265.192</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.807.337.628	-	-	10.807.337.628
Phải thu khách hàng, phải thu khác	145.204.838.931	220.000.000	-	145.424.838.931
Đầu tư ngắn hạn	154.134.086.057	-	-	154.134.086.057
Đầu tư dài hạn	-	65.550.000.000	-	65.550.000.000
	<b>310.146.262.616</b>	<b>65.770.000.000</b>	<b>-</b>	<b>375.916.262.616</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.953.336.873	-	-	8.953.336.873
Phải thu khách hàng, phải thu khác	154.778.157.669	220.000.000	-	154.998.157.669
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	-	31.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	35.557.642.100	-	-	35.557.642.100
Đầu tư dài hạn	-	218.733.571.540	-	218.733.571.540
	<b>230.289.136.642</b>	<b>218.953.571.540</b>	<b>-</b>	<b>449.242.708.182</b>
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Vay và nợ	795.000.000	-	-	795.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	279.572.544.360	7.556.815.000	-	287.129.359.360
Chi phí phải trả	633.865.072	-	-	633.865.072
	<b>281.001.409.432</b>	<b>7.556.815.000</b>	<b>-</b>	<b>288.558.224.432</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	3.188.000.000	795.000.000	-	3.983.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	195.646.279.192	56.815.000	-	195.703.094.192
Chi phí phải trả	7.171.000	-	-	7.171.000
	<b>198.841.450.192</b>	<b>851.815.000</b>	<b>-</b>	<b>199.693.265.192</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**Theo khu vực địa lý**

	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	8.777.599.102	288.134.784.399	296.912.383.501
Tài sản bộ phận	722.726.804.996	111.372.406.054	834.099.211.050

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	487.279.849	415.940.031
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	565.728.795	241.654.245
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	217.133.185	164.870.635
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	5.365.284.147	8.270.042.346
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	304.491.329.261	145.412.960.328



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Số dư tại ngày kết thúc năm:

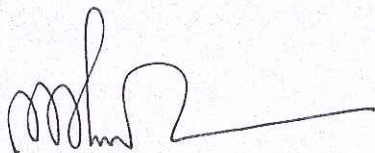
	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	2.638.190.145	2.102.182.310
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	946.182.446	460.238.911
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	-	181.357.698
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	508.370.879	17.387.318.817
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	-	48.859.000
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	1.077.351.000	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	183.864.524.703	78.771.973.362

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

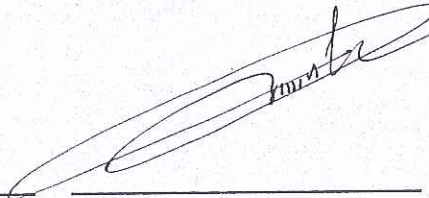
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	808.000.000	1.393.128.000

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.



Nguyễn Nho Hiền  
Người lập



Phan Dương Mạnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

